

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày: 21 – 02 – 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 04/TB-TA ngày 17/02/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 03/8/2001, nơi cư trú: tổ 10, ấp C, xã V, thành phố Ch, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công H, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Bích L sinh năm 1976; có vợ tên Nguyễn Phương T, sinh năm 2001 và có 01 con sinh năm 2019, anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tại ngoại; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 20/02/2020 cho đến khi kết thúc phiên tòa, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1974, nơi cư trú: ấp T, xã F, huyện G, thành phố Ch;

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị Đ2, sinh năm 1989;

- Võ Thị T, sinh năm 1989;
- Ông Đỗ Nguyễn Hoàng A (Ch), sinh năm 1982;
- Ông Trần Tấn P (Nh), sinh năm 1990;
- Ông Bùi Công K, sinh năm 1971.

Bị cáo có mặt; ông Đ1; bà Đ2; bà T; ông H; ông P và ông K vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 01-5-2019, Trần Văn Đ1 giao xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 65K1-5K1.61 (của Đ) cho Nguyễn Hải Đ(bạn mới quen của Đ1) điều khiển, chở được đến nhà trọ không tên (tổ 19, khóm V, phường N, thành phố C) để thỏa thuận mua, bán dâm với Trần Thị Đ2 và Võ Thị T. Do cần tiền chuộc xe, Đ có ý định lấy trộm xe mô tô của Đ1 nên nhờ Đ2 đến phòng của Đ1 và T, kêu T lấy chìa khóa xe của Đ1 đưa cho Đ mở cốp xe lấy tiền. Sau khi nhận chìa khóa xe, Đ lấy xe mô tô của Đ1 điều khiển, nhờ Trương Chí S đem sang Vương quốc Campuchia cầm lấy 9.000.000 đồng, Đ nhận tiền, cho S 200.000 đồng, còn lại Đ chuộc xe mô tô của Đ đã cầm trước, tiêu xài cá nhân. Phát hiện tài sản bị chiếm đoạt, Đ1 tố giác, Ngày 11/9/2019. Đ động viên gia đình bồi thường cho Đ1 20.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ được gồm có: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 65K1 – 214.61; 01 sổ hộ khẩu bản photocopy, chủ hộ Nguyễn Công H.

Kết luận định giá tài sản số: 197/KL-ĐG ngày 22/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Châu Đốc, xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future - Fi, màu sơn nâu - vàng, biển số 65K1 – 214.61, trị giá 18.000.000 đồng.

Ngày 25/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Hải Đ về tội "Trộm cắp tài sản".

Ngày 25/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc thay đổi khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Hải Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKS-CP ngày 02/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Nguyễn Hải Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Hải Đ thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận; Trong lời nói sau cùng bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, có trong hồ sơ vụ án, nên có đầy đủ căn cứ pháp luật xác định bị cáo Đ đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 như nội dung cáo trạng số 01/CT-VKSCĐ ngày 02/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được người bị hại yêu cầu xử lý giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tại thời điểm phạm tội, Đăng dưới 18 tuổi nên được hưởng các chế định về người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98, và Điều 100 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm (06 sáu) tháng cải tạo không giam giữ, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Giao Nguyễn Hải Đ cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Giao trả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 65K1 – 214.61 cho ông Trần Văn Đ1; tịch thu tiêu hủy 01 sổ hộ khẩu bản photocopy, chủ hộ Nguyễn Công H.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Văn Đ1 đã nhận 20.000.000 đồng do bị cáo động viên gia đình bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xử lý.

Vấn đề khác: Đối với Trần Văn Đ1, Nguyễn Hải Đ, Trần Thị Đ2, Võ Thị T Có hành vi mại dâm; Đ và Đ1 qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia đánh bạc trái phép nhưng không bị bắt quả tang, không căn cứ xử lý; Đ2 và T vô tình giúp sức cho Đ chiếm đoạt xe ô tô của Đ1 nhưng không biết trước ý định, hành vi của Đ, không hưởng lợi. Tuy không xử lý nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa. Đối với Trương Chí S hiện đã bỏ đi khỏi địa phương Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tội phạm thực hiện thuộc khoản 1 Điều 174 có khung hình phạt đến ba năm tù, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

[1.2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố Châu Đốc; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[1.3] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[1.4] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại; người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[21] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận do quen biết nên vào khoảng 00 giờ ngày 01/5/2019, bị hại giao xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, biển số 65K1 - 214.61 cho bị cáo điều khiển chở bị hại đến khu vực khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam để thỏa thuận mua, bán dân với Đ2 và T. Bản thân bị cáo đang cần tiền để chuộc xe do thua cờ bạc nên khi nghe Đ2 yêu cầu trả tiền mua dân trước, bị cáo liền nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông Trần Văn Đ1. Để thực hiện hành vi, bị cáo đã dùng lời nói gian dối làm cho Đ2 tin rằng bị cáo để tiền trong cốp xe mô tô và đồng ý đến phòng của Đ1, T để lấy chìa khóa xe mô tô của Đ1 đưa cho bị cáo. Sau khi có được chìa khóa xe, bị cáo đến khu vực đậu xe, nổ máy xe và điều khiển xe mô tô của ông Đ1 chạy đi. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của ông Đ1, bị cáo giao xe cho Trương Chí S đem sang Vương quốc Campuchia cầm lấy 9.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Ông Đ1 đến Công an phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc trình báo sự việc.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác gồm: Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường ngày 01-5-2019 do Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc lập; lời khai của bị hại ông Trần Văn Đ1, người làm chứng Trần Thị Đ2, Võ Thị T; kết luận định giá tài sản số 197/KL-ĐG, ngày 22-5-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc cùng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Từ các chứng cứ trên, có sở xác định, do cần tiền chuộc xe bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của bị hại, để thực hiện hành vi bị cáo đã có lời nói gian dối làm cho Đ2 tin rằng bị cáo để tiền trong cốp xe, từ đó đồng ý lấy

chìa khóa xe mô tô của ông Đ1, khi có được chìa khóa xe mô tô của ông Đ1 bị cáo đã nổ máy xe, chạy đi và chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 65K1 – 214.61 của ông Đ1, theo kết luận định giá tài sản số 197/KL-ĐG, ngày 22-5-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Châu Đốc trị giá 18.000.000 đồng. Từ đó, có cơ sở xác định bị cáo Đ đã nảy sinh ý định, sử dụng thủ đoạn gian dối, lợi dụng Đ2 để chiếm đoạt tài sản của ông Đ1.

Vào thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nhưng có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Đ1 là xâm phạm quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội thông qua việc dùng thủ đoạn, lời nói gian dối để Đ2 tin, lấy chìa khóa xe bị hại giao cho bị cáo và bị cáo đã chiếm đoạt xe của bị hại Đ1, giá trị tài sản chiếm đoạt là 18.000.000 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, có việc làm nhưng lười lao động, lại đam mê cờ bạc nên bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.1] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần bị hạn chế; nhất thời phạm tội; bị hại có đơn yêu cầu không xử lý hình sự đối với bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi. Do đó, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với thời hạn nhất định cũng đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.2] Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô biển số 65K1 – 214.61 tên Trần Văn Đ1 là vật chứng của vụ án, không thu hồi được. Tuy nhiên, bị hại đã nhận được số tiền bồi thường 20.000.000 đồng (hai mươi triệu) tương xứng với giá trị xe. Xét thấy, tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô tên Trần Văn Đ1; 01 sổ hộ khẩu bản photocopy chủ hộ Nguyễn Công H theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận số tiền 20.000.000 đồng, không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Không. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị các chưa đủ 18 tuổi, chưa nghề nghiệp ổn định; được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Do đó, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên là không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật, được quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 100 Bộ luật hình sự.

[2.5] Vấn đề khác: Đối với Trần Văn Đ1, Nguyễn Hải Đ, Trần Thị Đ2, Võ Thị T có hành vi mại dâm, Đ và Đ1 qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia đánh bạc trái phép nhưng không bị bắt quả tang, không căn cứ xử lý; Đ2 và T vô tình giúp sức cho Đ chiếm đoạt xe mô tô của Đ1 nhưng không biết trước ý định, hành vi của Đ, không hưởng lợi. Tuy không xử lý nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa nhằm giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là cần thiết.

Đối với Trường Chí S hiện đã bỏ đi khỏi địa phương Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36; điều 91, điều 98, điều 100 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hải Đ 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc được giao giám sát, giáo dục và bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Hải Đ cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 65K1 – 214.61 tên Trần Văn Đ1; 01 sổ hộ khẩu bản photocopy, chủ hộ Nguyễn Công H.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Hải Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức

